

# THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

## TÓM TẮT:

Bài báo nghiên cứu thực trạng và định hướng tháo gỡ khó khăn trong đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2017. Mặc dù nhiều chính sách hỗ trợ đã được Chính phủ thực thi, nhưng kết quả phân tích từ nghiên cứu này cho thấy, tình hình đầu tư của các DNNVV Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả đầu tư kinh doanh quá thấp là nguyên nhân khiến hàng chục nghìn doanh nghiệp phải rời bỏ thị trường mỗi năm... Một số vấn đề cần khắc phục hiện nay là ưu tiên kiểm soát quá trình thực thi luật và chính sách hỗ trợ, khơi thông nguồn vốn, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư, hỗ trợ.

## I. Giới thiệu.

DNNVV tại Việt Nam chiếm xấp xỉ 97% tổng số doanh nghiệp cả nước, không chỉ là đối tượng chính trong việc thúc đẩy tinh thần doanh nhân, mà còn đóng vai trò chủ thể giúp phát huy các nguồn lực quốc gia (chiếm khoảng 45% tổng vốn đầu tư toàn xã hội), tạo ra 50% việc làm, cải thiện phúc lợi cho người dân và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Đứng trên quan điểm đó, nhiều năm qua, Việt Nam đã có những chính sách nhằm hỗ trợ cho khối doanh nghiệp này phát triển bền vững. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu các chính sách này có mang lại những hiệu quả đúng như mong đợi hay không vẫn còn mang lại nhiều hoài nghi. Bởi thực tế cho thấy, còn rất nhiều những khó khăn kiểm chế hoạt động kinh doanh hiệu quả của các DNNVV, trung bình là cứ 3 doanh nghiệp mới gia nhập thì lại có 2 doanh nghiệp rời bỏ thị trường. Do đó, để có cái nhìn khách quan hơn, tác giả đã cố gắng phân tích

và đánh giá thực trạng đầu tư của các DNNVV tại Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2017. Việc làm này có thể giúp chúng ta nhìn nhận đúng đắn những khoảng hạn chế và có những hướng khắc phục giúp cho các doanh nghiệp có thể phát huy được vai trò của mình.

## II. Thực trạng đầu tư của các DNNVV giai đoạn 2006 -2017

### 1. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư hàng năm của các DNNVV: Theo số liệu thống kê của Cục Phát triển doanh nghiệp, vốn đầu tư huy động được của các DNNVV từ năm 2006 đến nay nhìn chung có xu hướng gia tăng, trung bình mỗi năm đạt trên 558 nghìn tỷ đồng. Từ 79,6 nghìn tỷ đồng năm 2006, các năm tiếp sau, vốn đầu tư của DNNVV có sự gia tăng về lượng và đến năm 2017 thì đạt trên 455,9 nghìn tỷ đồng. Một điều dễ nhận thấy là, xen giữa giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017, một số năm có tổng vốn đầu tư của các doanh

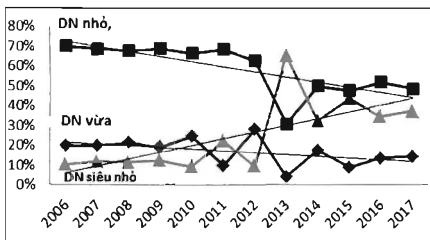
ngiệp này như giảm khá mạnh so với năm trước như năm 2012 (giảm hơn 400 nghìn tỷ đồng) và năm 2015 (giảm 50 nghìn tỷ đồng). Ngoài những vấn đề về khó khăn chung của nền kinh tế thì sự biến động này cũng hàm chứa sự bất ổn định trong quyết định đầu tư của các doanh nghiệp.

Xét về tỷ trọng đóng góp trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, các DNNVV mặc dù có quy mô nhỏ bé về vốn nhưng tổng thể các DNNVV hàng năm cũng đóng góp một tỷ lệ khá lớn. Tính trung bình từ năm 2006 đến nay, tổng vốn đầu tư của các DNNVV chiếm 46,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, năm thấp nhất là 2015 (20,1%) và cao nhất là năm 2011 (56,8%). Điều này cho thấy các DNNVV đã thực hiện tốt việc huy động, thúc đẩy các nguồn vốn nhân rồi và nhỏ lẻ trở thành nguồn lực sản xuất và sinh lợi cho nền kinh tế.

**Vốn đầu tư theo 3 nhóm doanh nghiệp:** Trong 3 nhóm DNNVV (vừa, nhỏ và siêu nhỏ) thì tổng mức vốn đầu tư có sự chênh lệch đáng kể. So với tổng vốn đầu tư của toàn khối DNNVV, nhóm doanh nghiệp nhỏ chiếm tỷ trọng lớn hơn cả. trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay, vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ phổ biến đạt trên dưới 60%, thấp nhất đạt 30,9% năm 2013 và cao nhất là 69,9% năm 2006. Tính trung bình cả giai đoạn, tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhỏ là 58,4% tổng vốn đầu tư của toàn khối DNNVV. Về xu hướng chung cho thấy tỷ trọng về vốn của khối doanh nghiệp nhỏ có giảm đi, không còn giữ ưu thế tuyệt đối so với những năm đầu (từ năm 2006 đến năm 2010). Tuy nhiên, nó vẫn là nhóm doanh nghiệp đang có đóng góp lớn nhất về vốn đầu tư so với 2 nhóm doanh nghiệp còn lại. Đối với nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ, tỷ trọng vốn đầu tư trong tổng vốn đầu tư của toàn bộ loại hình DNNVV dao động khá lớn, từ 9,1% (năm 2010) và cao nhất đến 65% (năm 2013). Tỷ trọng vốn trung bình trong cả giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017 của nhóm doanh nghiệp này chiếm 24,9% vốn đầu tư của cả khối DNNVV. Như vậy, từ tỷ trọng rất nhỏ từ 9,1% đến 12,3% trong giai đoạn 2006-2010, nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ đã có sự phát triển mạnh về vốn đầu tư ở các năm tiếp theo, tiệm cận

gần hơn với tỷ lệ vốn của nhóm doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, với các doanh nghiệp vừa, tổng vốn đầu tư hàng năm có tăng lên, nhưng tỷ trọng so với tổng vốn đầu tư chung của các DNNVV thay đổi không nhiều, dao động trên dưới 20%. Thậm chí, những năm gần đây, tỷ trọng của nhóm doanh nghiệp này có xu hướng giảm đi. Trung bình trong cả giai đoạn 2006-2017, hàng năm các doanh nghiệp vừa có trên 57,3 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư, chiếm tỷ trọng 11,4% loại hình DNNVV.

**Hình 1: Xu hướng biến đổi về tỷ trọng vốn đầu tư giữa 3 nhóm DNNVV**



Nguồn: Minh họa theo Cục PTĐN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**Vốn đầu tư của các DNNVV phân bổ theo khu vực:** Trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017, phần lớn vốn đầu tư hàng năm huy động được của các DNNVV thuộc về khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước với tỷ lệ trên 60%. Năm 2006, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước huy động được trên 49,5 nghìn tỷ đồng, tăng xấp xỉ 7,2 lần. Tiếp theo là khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với trên 18,6 nghìn tỷ đồng năm 2006, năm 2017 đạt trên 76,7 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 4,1 lần. Phần đóng góp của các DNNVV trong khu vực nhà nước là thấp nhất, vốn đầu tư năm 2006 là 11,4 nghìn tỷ đồng và đến năm 2017 đạt trên 29,1 nghìn tỷ đồng.

Về xu hướng, tỷ lệ vốn đầu tư huy động được bình quân từ năm 2006 đến nay của các khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực doanh nghiệp nhà nước lần lượt là: 73,7%; 18,8% và 7,5%. Như vậy, khu vực doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm rõ rệt hơn so với 2 khu vực còn lại, đồng thời khu vực ngoài nhà nước

duy trì tỷ lệ đóng góp vốn đầu tư cao và có xu hướng chung là tăng.

*Theo lĩnh vực kinh doanh:* Các DNNVV lĩnh vực công nghiệp xây dựng hàng năm luôn đóng góp lượng vốn đầu tư rất lớn, với tỷ lệ từ 56,3% đến 95,4% lượng vốn huy động của toàn khối DNNVV. Tỷ lệ đóng góp của lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nhìn chung rất thấp chiếm từ 1,3% đến 3,6% cả khối. Khu vực dịch vụ sự đóng góp khá cao, tuy nhiên theo số liệu thống kê thì trong 3 năm từ năm 2013 đến năm 2015, tỷ lệ huy động vốn đã giảm rất mạnh. Điều này có thể thấy, khu vực này bị ảnh hưởng lớn bởi sự biến động rất khó khăn của kinh tế vĩ mô Việt Nam trong các năm 2012, 2013, 2014 và 2015.

**2. Quy mô của các DNNVV**

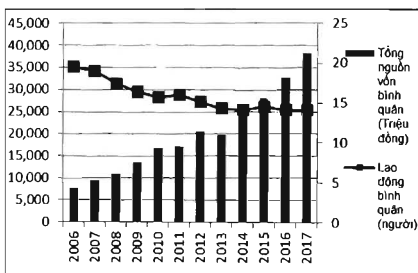
Theo số liệu thống kê (Hình 2), nguồn vốn bình quân mỗi doanh nghiệp tăng lên khá đều đặn hàng năm trong cả giai đoạn 2006-2017. Về lao động, năm 2017, khối DNNVV cả nước đang sử dụng trên 7,1 triệu lao động, chiếm trên 50% số lao động của khu vực doanh nghiệp nói chung. Mặc dù tổng số lao động trong các DNNVV hàng năm tăng lên nhưng lao động bình quân một doanh nghiệp lại có xu hướng giảm đi, từ 19,5 lao động xuống còn 14,1 lao động. Như vậy, xét theo quy mô lao động thì các DNNVV có quy mô trung bình ngày càng nhỏ đi. Điều này là trái ngược với xu hướng biến đổi của tổng nguồn vốn, điều này cũng phản ánh một thể hiện rằng, thay vì tập trung vào nguồn lao động giá rẻ như trước đây, các doanh nghiệp dần chuyển sang đầu tư về thiết bị công nghệ sản xuất nhiều hơn. (Hình 2).

**3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư**

Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp làm rõ về nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, số liệu thống kê phần này phản ánh khả năng về vốn tự có và vốn vay từ các nguồn khác. Kết quả thống kê cho thấy, từ

năm 2006 đến nay, tỷ lệ vốn tự có trong tổng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp qua các năm đã giảm dần, hệ số tự tài trợ từ 43,9% năm 2006 giảm còn 33,4% so với năm 2017, đồng nghĩa với việc nguồn vốn được huy động từ các nguồn khác đã tăng lên. Theo đó, năm 2006, cứ 1 đồng vốn của các DNNVV sẽ có 0,561 đồng vốn là đóng góp từ các chủ nợ, thì đến năm 2017 các chủ nợ đóng góp 0,666 đồng trong 1 đồng vốn đầu tư của doanh nghiệp. (Bảng 1).

**Hình 2: Quy mô vốn và quy mô lao động bình quân của DNNVV**



**Bảng 1. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của các DNNVV**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Tổng nguồn vốn	Vốn chủ sở hữu	Hệ số nợ
2006	954.405.090	419.212.899	56,1%
2007	1.401.076.016	644.444.670	54,0%
2008	2.108.421.277	914.841.118	56,6%
2009	3.191.115.035	1.363.497.532	57,3%
2010	4.681.677.229	1.870.700.452	60,0%
2011	5.369.536.374	2.393.911.376	55,4%
2012	7.044.578.530	2.874.580.479	59,2%
2013	7.427.115.827	2.996.285.472	59,7%
2014	9.629.698.043	3.656.908.075	62,0%
2015	12.381.449.199	4.622.668.512	62,7%
2016	15.615.160.134	5.483.419.294	64,9%
2017	19.414.706.228	6.478.719.804	66,6%

*Nguồn: Tính toán theo Cục PTĐN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Hệ số tự tài trợ trong tổng nguồn vốn giảm đi và hệ số nợ tăng lên là những tín hiệu cho thấy cơ sở hạ tầng tài chính đã có hiệu quả hơn đối với các DNNVV, giúp giảm lệ thuộc vào nguồn vốn tự có. mà có thể tài trợ vốn đầu tư kinh doanh thông qua các kênh huy động khác. Tuy nhiên, theo VCCI, năm 2017, có đến 70% DNNVV chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức. Điều này phần nào cho thấy, sự cải thiện về hạ tầng tài chính cho DNNVV chưa được giải quyết cơ bản.

#### 4. Hiệu quả đầu tư kinh doanh

Từ số liệu thống kê về tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu, tài sản cố định và đầu tư dài hạn, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất - kinh doanh và lợi nhuận trước thuế, nghiên cứu đã tính toán một số chỉ tiêu để minh chứng cho kết quả đầu tư của các DNNVV giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017.

nhuận, thì đến năm 2017 giảm còn 0,019 đồng lợi nhuận, tương tự là các chỉ tiêu ROA và ROS cũng giảm đều. Mặc dù năm 2016, năm 2017, các chỉ tiêu này đang dần được cải thiện, nhưng xét về tổng thể, tình hình đầu tư của các DNNVV vẫn ngày càng khó khăn hơn, không mang lại nhiều lợi ích cho các chủ đầu tư như trước đây.

Như một hệ quả tất yếu, tỷ lệ thua lỗ tăng cao kéo theo số lượng các doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hàng năm rất lớn. Trong 5 năm gần đây, số doanh nghiệp ngừng hoạt động tương ứng với 2/3 số doanh nghiệp thành lập. trong đó đa phần các doanh nghiệp sụp đổ trong 5 năm kể từ khi thành lập.

Đáng chú ý, các doanh nghiệp có quy mô càng nhỏ thì tỷ lệ thua lỗ càng lớn. Điều này cho thấy tình dễ bị tổn thương của loại hình DNNVV. Các

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu kết quả đầu tư kinh doanh của DNNVV**

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh	Lợi nhuận trước thuế	ROE	ROA	ROS
2006	1.062.792.366	36.390.514			3,42%
2007	1.451.984.669	48.434.424	9,1%	4,11%	3,34%
2008	2.548.980.703	40.646.823	5,2%	2,32%	1,59%
2009	2.885.193.362	55.582.538	4,9%	2,10%	1,93%
2010	3.466.498.642	80.587.925	5,0%	2,05%	2,32%
2011	4.578.538.757	48.110.652	2,3%	0,96%	1,05%
2012	5.306.946.870	48.617.431	1,8%	0,78%	0,92%
2013	5.928.961.043	73.055.817	2,5%	1,01%	1,23%
2014	6.699.547.766	65.095.398	2,0%	0,76%	0,97%
2015	8.437.304.039	66.435.744	1,6%	0,60%	0,79%
2016	9.859.485.989	88.496.749	1,8%	0,63%	0,90%
2017	11.551.068.616	116.226.009	1,9%	0,66%	1,01%

Nguồn: Tính toán theo Cục PTĐN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả cho thấy, xét về số tuyệt đối thì lợi nhuận trước thuế toàn khối DNNVV có tăng lên qua các năm. Tuy nhiên, từ số liệu thống kê cũng nhận thấy mức độ tăng của lợi nhuận là nhỏ hơn so với tốc độ tăng của nguồn vốn, vốn chủ sở hữu và doanh thu. Từ đó dẫn tới các chỉ số ROE, ROA, ROS vốn đã thấp ở những năm đầu, lại càng giảm đi ở những năm tiếp theo. Ví dụ, kết quả chỉ tiêu ROE của các DNNVV cho thấy, năm 2007, cứ mỗi đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra 0,091 đồng lợi

doanh nghiệp siêu nhỏ luôn là loại hình doanh nghiệp có tỷ lệ thua lỗ nhiều nhất và có xu hướng tăng mạnh những năm vừa qua, đặc biệt là các năm 2011, 2013, 2014 và 2015. Hai nhóm DNNVV còn lại có tỷ lệ thua lỗ chênh lệch nhau không nhiều, nhưng cũng có xu hướng tăng lên trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2015. (Hình 3).

#### III. Đánh giá chung và khuyến nghị

Thứ nhất, sự ra đời của lượng rất lớn các DNNVV hàng năm cho thấy, các chính sách của

duy trì tỷ lệ đóng góp vốn đầu tư cao và có xu hướng chung là tăng.

**Theo lĩnh vực kinh doanh:** Các DNNVV lĩnh vực công nghiệp xây dựng hàng năm luôn đóng góp lượng vốn đầu tư rất lớn, với tỷ lệ từ 56,3% đến 95,4% lượng vốn huy động của toàn khối DNNVV. Tỷ lệ đóng góp của lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nhìn chung rất thấp chiếm từ 1,3% đến 3,6% cả khối. Khu vực dịch vụ sự đóng góp khá cao, tuy nhiên theo số liệu thống kê thì trong 3 năm từ năm 2013 đến năm 2015, tỷ lệ huy động vốn đã giảm rất mạnh. Điều này có thể thấy, khu vực này bị ảnh hưởng lớn bởi sự biến động rất khó khăn của kinh tế vĩ mô Việt Nam trong các năm 2012, 2013, 2014 và 2015.

**2. Quy mô của các DNNVV**

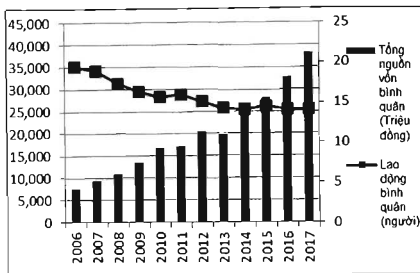
Theo số liệu thống kê (Hình 2), nguồn vốn bình quân mỗi doanh nghiệp tăng lên khá đều đặn hàng năm trong cả giai đoạn 2006-2017. Về lao động, năm 2017, khối DNNVV cả nước đang sử dụng trên 7,1 triệu lao động, chiếm trên 50% số lao động của khu vực doanh nghiệp nói chung. Mặc dù tổng số lao động trong các DNNVV hàng năm tăng lên nhưng lao động bình quân một doanh nghiệp lại có xu hướng giảm đi, từ 19,5 lao động xuống còn 14,1 lao động. Như vậy, xét theo quy mô lao động thì các DNNVV có quy mô trung bình ngày càng nhỏ đi. Điều này là trái ngược với xu hướng biến đổi của tổng nguồn vốn, điều này cũng phần nào thể hiện rằng, thay vì tập trung vào nguồn lao động giá rẻ như trước đây, các doanh nghiệp dần chuyển sang đầu tư về thiết bị công nghệ sản xuất nhiều hơn. (Hình 2).

**3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư**

Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp làm rõ về nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, số liệu thống kê phần này phản ánh khả năng về vốn tự có và vốn vay từ các nguồn khác. Kết quả thống kê cho thấy, từ

năm 2006 đến nay, tỷ lệ vốn tự có trong tổng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp qua các năm đã giảm dần, hệ số tự tài trợ từ 43,9% năm 2006 giảm còn 33,4% so với năm 2017, đồng nghĩa với việc nguồn vốn được huy động từ các nguồn khác đã tăng lên. Theo đó, năm 2006, cứ 1 đồng vốn của các DNNVV sẽ có 0,561 đồng vốn là đóng góp từ các chủ nợ, thì đến năm 2017 các chủ nợ đóng góp 0,666 đồng trong 1 đồng vốn đầu tư của doanh nghiệp. (Bảng 1).

**Hình 2: Quy mô vốn và quy mô lao động bình quân của DNNVV**



**Bảng 1. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của các DNNVV**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Tổng nguồn vốn	Vốn chủ sở hữu	Hệ số nợ
2006	954.405.090	419.212.899	56,1%
2007	1.401.076.016	644.444.670	54,0%
2008	2.108.421.277	914.841.118	56,6%
2009	3.191.115.035	1.363.497.532	57,3%
2010	4.681.677.229	1.870.700.452	60,0%
2011	5.369.536.374	2.393.911.376	55,4%
2012	7.044.578.530	2.874.580.479	59,2%
2013	7.427.115.827	2.996.285.472	59,7%
2014	9.629.698.043	3.656.908.075	62,0%
2015	12.381.449.199	4.622.668.512	62,7%
2016	15.615.160.134	5.483.419.294	64,9%
2017	19.414.706.228	6.478.719.804	66,6%

*Nguồn: Tính toán theo Cục PTĐN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Hệ số tự tài trợ trong tổng nguồn vốn giảm đi và hệ số nợ tăng lên là những tín hiệu cho thấy cơ sở hạ tầng tài chính đã có hiệu quả hơn đối với các DNNVV, giúp giảm lệ thuộc vào nguồn vốn tư có, mà có thể tài trợ vốn đầu tư kinh doanh thông qua các kênh huy động khác. Tuy nhiên, theo VCCI, năm 2017, có đến 70% DNNVV chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính thức. Điều này phần nào cho thấy, sự cải thiện về hạ tầng tài chính cho DNNVV chưa được giải quyết cơ bản.

#### 4. Hiệu quả đầu tư kinh doanh

Từ số liệu thống kê về tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu, tài sản cố định và đầu tư dài hạn, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất - kinh doanh và lợi nhuận trước thuế, nghiên cứu đã tính toán một số chỉ tiêu để minh chứng cho kết quả đầu tư của các DNNVV giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2017.

nhuận, thì đến năm 2017 giảm còn 0,019 đồng lợi nhuận, tương tự là các chỉ tiêu ROA và ROS cũng giảm đều. Mặc dù năm 2016, năm 2017, các chỉ tiêu này đang dần được cải thiện, nhưng xét về tổng thể, tình hình đầu tư của các DNNVV vẫn ngày càng khó khăn hơn, không mang lại nhiều lợi ích cho các chủ đầu tư như trước đây.

Như một hệ quả tất yếu, tỷ lệ thua lỗ tăng cao kéo theo số lượng các doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hàng năm rất lớn. Trong 5 năm gần đây, số doanh nghiệp ngừng hoạt động tương ứng với 2/3 số doanh nghiệp thành lập. Trong đó đa phần các doanh nghiệp sụp đổ trong 5 năm kể từ khi thành lập.

Đáng chú ý, các doanh nghiệp có quy mô càng nhỏ thì tỷ lệ thua lỗ càng lớn. Điều này cho thấy tình dễ bị tổn thương của loại hình DNNVV. Các

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu kết quả đầu tư kinh doanh của DNNVV**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	Doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh	Lợi nhuận trước thuế	ROE	ROA	ROS
2006	1 062.792.366	36.390.514			3,42%
2007	1.451.984.669	48 434 424	9,1%	4,11%	3,34%
2008	2 548.980 703	40.646.823	5,2%	2,32%	1,59%
2009	2 885.193.362	55.582 538	4,9%	2,10%	1,93%
2010	3.466.498.642	80.587.925	5,0%	2,05%	2,32%
2011	4 578.538.757	48.110 652	2,3%	0,96%	1,05%
2012	5.306.946.870	48.617 431	1,8%	0,78%	0,92%
2013	5.928 961.043	73.055.817	2,5%	1,01%	1,23%
2014	6.699 547.766	65.095.398	2,0%	0,76%	0,97%
2015	8.437.304.039	66.435.744	1,6%	0,60%	0,79%
2016	9 859.485 989	88,496,749	1 8%	0,63%	0,90%
2017	11.551 068.616	116,226,009	1,9%	0,66%	1,01%

*Nguồn: Tính toán theo Cục PTĐN - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

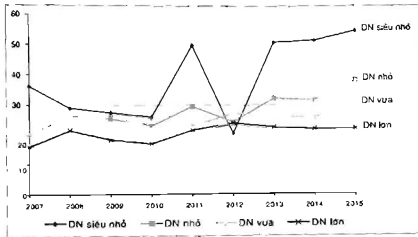
Kết quả cho thấy, xét về số tuyệt đối thì lợi nhuận trước thuế toàn khối DNNVV có tăng lên qua các năm. Tuy nhiên, từ số liệu thống kê cũng nhận thấy mức độ tăng của lợi nhuận là nhỏ hơn so với tốc độ tăng của nguồn vốn, vốn chủ sở hữu và doanh thu. Từ đó dẫn tới các chỉ số ROE, ROA, ROS vốn đã thấp ở những năm đầu, lại càng giảm đi ở những năm tiếp theo. Ví dụ, kết quả chỉ tiêu ROE của các DNNVV cho thấy, năm 2007, cứ mỗi đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra 0,091 đồng lợi

doanh nghiệp siêu nhỏ luôn là loại hình doanh nghiệp có tỷ lệ thua lỗ nhiều nhất và có xu hướng tăng mạnh những năm vừa qua, đặc biệt là các năm 2011, 2013, 2014 và 2015. Hai nhóm DNNVV còn lại có tỷ lệ thua lỗ chênh lệch nhau không nhiều, nhưng cũng có xu hướng tăng lên trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2015. (Hình 3).

### III. Đánh giá chung và khuyến nghị

Thứ nhất, sự ra đời của lượng rất lớn các DNNVV hàng năm cho thấy, các chính sách của

**Hình 3: Tỷ lệ thua lỗ lĩnh theo quy mô doanh nghiệp giai đoạn 2007-2015**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Việt Nam đã tạo được lòng tin, động lực và sự kỳ vọng để các DNNVV khởi động các ý tưởng đầu tư kinh doanh. Tuy nhiên, với số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động cũng rất lớn cho thấy rằng, DNNVV vẫn chưa hết các tình huống khó khăn xảy ra. Hệ quả là khi phải đối mặt với các khó khăn mà không có sự chuẩn bị trước thì phần lớn DNNVV không có khả năng chống đỡ và đã nhanh chóng bị sụp đổ.

*Thứ hai*, có thể thấy rằng quy mô bình quân của DNNVV tại Việt Nam hiện nay là rất nhỏ bé, do vậy các doanh nghiệp cũng cũng trở nên yếu thế hơn trong việc đảm bảo hoặc duy trì các nguồn lực để chống đỡ những khó khăn trước mắt. Giá trị các doanh nghiệp không lớn cũng có thể là bất lợi khi muốn tạo lòng tin với các đối tác và khách hàng, trong đó tỷ lệ thua lỗ của các doanh nghiệp siêu nhỏ luôn lớn nhất là một minh chứng.

*Thứ ba*, lượng vốn đầu tư của toàn khối doanh nghiệp biến động lớn (cả trong 3 lĩnh vực đầu tư và 3 khu vực doanh nghiệp) trong các năm có sự bất ổn kinh tế cũng cho thấy tính bất động, thiếu các chiến lược dài hạn trong đầu tư và do đó dễ bị tổn thương trước khó khăn trong kinh doanh. Các chủ doanh nghiệp phần lớn chưa có kinh nghiệm chiến lược, chủ yếu thiên về tính toán các bài toán kinh doanh ngắn hạn.

*Thứ tư*, hệ số nợ của khối DNNVV hiện nay khá

cao, nhưng còn phụ thuộc nhiều vào các nguồn vốn vay không chính thức, điều này tạo ra áp lực về chi phí lãi vay và trở thành gánh nặng níu chân các DNNVV.

Ngoài ra, mặc cho những chính sách hỗ trợ ngày càng hoàn thiện, đi vào chiều sâu chẳng hạn như việc hỗ trợ DNNVV đã được luật hóa từ năm 2017 thì hiệu quả hoạt động của khối doanh nghiệp này vẫn thấp. Điều này đã cho thấy, việc thực thi và kiểm soát chất lượng hỗ trợ chưa mang lại các lợi ích đạt ra ban đầu, khiến các doanh nghiệp còn gặp khó khăn với ngay cả các nội dung đã được các chính sách hỗ trợ đã định rõ, thí dụ

như việc hỗ trợ tiếp cận tín dụng.

Thực trạng trên đặt ra một số yêu cầu quan trọng để hỗ trợ và thúc đẩy DNNVV đầu tư hiệu quả, gồm:

- i) Ưu tiên việc triển khai, đảm bảo thực hiện các chính sách, luật hỗ trợ DNNVV đảm bảo đạt được những cam kết đã đặt ra.
- ii) Các chính sách hỗ trợ DNNVV cần hoàn thiện theo hướng quan tâm tới đặc thù của từng khối doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ. Bởi vì, đây đang là khối doanh nghiệp dễ bị tổn thương nhất hiện nay, đồng thời cũng có nhiều bất lợi từ quy mô quá nhỏ bé của mình.
- iii) Tập trung tháo gỡ nút thắt chính cho DNNVV hiện nay đó là khơi thông nguồn vốn tín dụng chính thức, giảm tải áp lực nguồn vốn đầu tư, chi phí vay vốn.

Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy tinh thần doanh nhân và tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, nhưng song song với nó cần có sự cải thiện trong việc đào tạo chuẩn bị đầy đủ năng lực cho đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp. Điều này không chỉ cần thiết với các doanh nhân chuẩn bị khởi nghiệp, mà còn thực sự cấp thiết cả với các chủ doanh nghiệp hiện nay. Đây cũng là điều kiện cơ bản để xây dựng và quản trị chiến lược đầu tư kinh doanh, giảm thiểu sự bất đồng của DNNVV trước những biến đổi liên tục của môi trường đầu tư hiện nay ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Số liệu thống kê từ Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nguyễn Mạnh Cường (2018). "Thực trạng và giải pháp phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam". *Tạp chí Công Thương*, Số 2, tháng 2/2018, trang 94-100.
3. Nguyễn Bạch Nguyệt, Nguyễn Mạnh Cường (2018). "Đánh giá môi trường đầu tư tại Việt Nam giai đoạn 2012-2017 và một số khuyến nghị chính sách". *Tạp chí Công Thương*, Số 1, tháng 1/2018, trang 122-131.

Ngày nhận bài: 11/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/4/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 1/5/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

## CURRENT SITUATION OF INVESTMENT OF SMES IN VIETNAM AND RECOMMENDATIONS FOR SUPPORTING SMES

● Master. NGUYEN MANH CUONG

Hanoi University of Industry

### ABSTRACT:

This study is to analyze the current situation of investment of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam from 2006 to 2017 in order to seek orientations to solve related difficulties. Although many supporting policies have been implemented by the Vietnamese government, this study's results show that Vietnamese SMEs face difficulties in doing their investment resulted in the low investment efficiency. This is the reason why tens of thousands of businesses have to leave the market every year. Some most concerned problems which should be solved firstly include controlling strictly the implementation process of laws and policies on supporting SMEs, helping SMEs access to capital sources and improving the management capacity of SMEs.

**Keywords:** Small and medium-sized enterprises, investment, support.